

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/02/2024

V/v “Ly hôn”

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Công

2. Bà Nguyễn Thị Thọ

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Lê Anh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 322/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ G, khu phố N, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Ông Phan Quốc C, sinh năm 1972, địa chỉ: Tổ G, khu phố N, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 -10 - 2024, quá trình hòa giải tại Tòa án nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Phan Quốc C quen biết và tìm hiểu nhau từ năm 1999, hai bên có tổ chức đám cưới. Ngày 10-3-2005 vợ chồng bà T đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Trong thời gian chung sống thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tâm đầu ý hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông C thường xuyên tụ tập ăn nhậu, không tôn trọng bà T, nhiều lần bà T, ông C đã cho nhau cơ hội thay đổi để vun vén cho gia đình nhưng đều không thành. Từ năm 2019 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên bà T và ông C ly thân cho đến nay. Do bà T không còn tình cảm với ông C nên bà T đề nghị ly hôn với ông C.

Về con chung: 02 con chung là Phan Thị Thanh P, sinh ngày 25/02/2000 và Phan Quốc Khánh H, sinh ngày 14/5/2004, các con đã trưởng thành, nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Phan Quốc C trình bày:

Được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt đề ngày 03 tháng 12 năm 2024.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T. Về con chung: 02 con chung là Phan Thị Thanh P, sinh ngày 25/02/2000 và Phan Quốc Khánh H, sinh ngày 14/5/2004, các con đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị ghi nhận ý kiến của bà T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phan Quốc C là tranh chấp ly hôn, bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phan Quốc C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống bà T cho rằng giữa bà T và ông C có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có chung chí hướng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T và ông C đã ly hôn từ năm 2019 cho đến nay. Mặc khác sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời ông C đến Tòa án để hoà giải, nhưng ông C không đến, như vậy chứng tỏ ông C không muốn đoàn tụ với bà T.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án, thẩm phán đã nhiều lần phân tích động viên bà T trở về đoàn tụ nhưng bà T không đồng ý, tha thiết xin được ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc bền vững. Vì vậy cần tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc xin ly hôn với ông C.

[3] Về con chung: Bà T và ông C có 02 con chung là Phan Thị Thanh P, sinh ngày 25/02/2000 và Phan Quốc Khánh H, sinh ngày 14/5/2004 đã trưởng thành. Nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, cần ghi nhận sự tự nguyện của bà T.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông C, bà T có yêu cầu sẽ xem xét thành vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Phan Quốc C về việc “tranh chấp ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông Phan Quốc C.

2. Về con chung: Bà T và ông C có 02 con chung là Phan Thị Thanh P, sinh ngày 25/02/2000 và Phan Quốc Khánh H, sinh ngày 14/5/2004 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phan Quốc C và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003360 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy bà T đã nộp xong án phí hôn nhân gia đình.

5. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THA thành phố Bà Rịa;
- UBND xã Đồng Thành, Yên Thành, Nghệ An,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Dung

